

QUYẾT TOÁN THU – CHI NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ - THĐT ngày 29/6/2023 của Hiệu trưởng trường TH Đại Thắng)

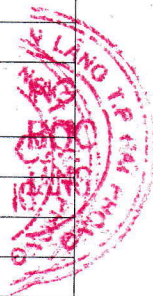
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyet	Chênh lệch 5=4-3	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4-3	6
1	Quản lý học sinh sau giờ học chính thức				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	6,6	6,6		
1.2	Mức thu: 120.000 đ/th/hs				
1.3	Tổng số thu trong năm	475,2	475,2		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	481,8	481,8		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	475,2	475,2		
1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	403,92	403,92		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	12,56	12,56		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	9,94	9,94		
	- Chi phúc lợi	20,7	20,7		
	- Nộp thuế	34,68	34,68		
1.7	Số dư cuối năm	0	0		
2	Tài trợ				
2.1	Số dư năm trước chuyển sang				
2.2	Tổng số thu trong năm	101,8	101,8		
2.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	101,8	101,8		
2.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	101,8	101,8		
2.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: - làm lối đi khu A sang B	90,04	90,04		
	- Làm sân chơi khu vực bờ ao	11,4	11,4		
2.6	Số dư cuối năm	0	0		
3	Thu tiền trông coi xe				
3.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.2	Mức thu 20.000đ/sh/th	35,84	35,84		
3.3	Tổng số thu trong năm	35,84	35,84		
3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	35,84	35,84		
3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)	35,84	35,84		
3.6	Số chi trong năm				



TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	18	18		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	1,79	1,79		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	0		
	- Chi phúc lợi	5,8	5,8		
	- Chi khác:.....				
3.7	Số dư cuối năm	10,25	10,25		
4	Thu tiền chăm nuôi				
4.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.2	Mức thu : 6.000đ/sh/th				
4.3	Tổng số thu trong năm	95,826	95,826		
4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	95,826	95,826		
4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)	95,826	95,826		
4.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	93,7	93,7		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	1,163	1,163		
4.7	Số dư cuối năm	0,96	0,96		
5	Thu tiền xuất ăn bán trú				
5.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.2	Mức thu : 25.000đ/hs/buổi k3,4,5; 24.000đ đối với k1,2				
5.3	Tổng số thu trong năm	387,837	387,837		
5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	387,837	387,837		
5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)	387,837	387,837		
5.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi nộp trả công ty	387,837	387,837		
5.7	Số dư cuối năm				
6	Thu tiền nước uống cho học sinh				
6.1	Số dư năm trước chuyển sang				
6.2	Mức thu : 10.000đ/hs/th				
6.3	Tổng số thu trong năm	46,85	46,85		
6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	46,85	46,85		
6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)	46,85	46,85		
6.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi nộp trả công ty	46,85	46,85		
6.7	Số dư cuối năm				
7	Thu tiền cơ sở vật chất 2B/ngày				
7.1	Số dư năm trước chuyển sang				
7.2	Mức thu : 20.000đ/hs/th				
7.3	Tổng số thu trong năm	80,42	80,42		
7.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	80,42	80,42		

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
7.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	80,42	80,42		
7.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)	80,42	80,42		
7.6	Số chi trong năm	80,42	80,42		
7.7	Số dư cuối năm	0	0		
8	Tiếng anh ponic				
8.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
8.2	Mức thu :60.000đ/hs/th				
8.3	Tổng số thu trong năm	97,6	97,6		
8.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	97,6	97,6		
8.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)	97,6	97,6		
8.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng nộp cty	78,0	78,0		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	4,28	4,28		
	- Chi công tác quản lý, chi đạo.....	14,930	14,930		
	- Chi nộp thuế	0,39	0,39		
8.7	Số dư cuối năm	0	0		
9	Tiếng anh có yếu tố người nước ngoài				
9.1	Số dư năm trước chuyển sang	4,2	4,2		
9.2	Mức thu :40.000đ/hs/tiết				
9.3	Tổng số thu trong năm	392,24	392,24		
9.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	396,4	396,4		
9.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)	392,24	392,24		
9.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng nộp cty	331,99	331,99		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	10,79	10,79		
	- Chi công tác quản lý, chi đạo.....	52,8	52,8		
	- Chi nộp thuế	0,921	0,921		
9.7	Số dư cuối năm	0	0		
10	Kỹ năng sống	0	0		
10.1	Số dư năm trước chuyển sang				
10.2	Mức thu : 10.000đ/hs/tiết				
10.3	Tổng số thu trong năm	158,2	158,2		
10.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	158,2	158,2		
10.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)	158,2	158,2		
10.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng nộp cty	125,65	125,65		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	2,396	2,396		
	- Chi công tác quản lý, chi đạo.....	29,97	29,97		



TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyet	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
	- Chi nộp thuế	0,184	0,184		
10.7	Số dư cuối năm	0	0		
11	Quỹ vòng tay bè bạn				
11.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
11.2	Mức thu : 40.000 đ/hs/năm				
11.3	Tổng số thu trong năm	20,8	20,8		
11.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm:	20,8	20,8		
11.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾ :	20,8	20,8		
11.6	Số chi trong năm	20,8	20,8		
	Trong đó: - Chi nộp về quỹ "Vòng tay bè bạn" cấp trên : 25%	5,2	5,2		
	- Chi tại trường : 75% (Chi các hoạt động, các phong trào của Đội...)	15,6	15,6		
11.7	Số dư cuối năm	0	0		
12	Quỹ khuyến học khuyến tài				
12.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
12.2	Tổng số kinh phí huy động trong năm học	54	54		
12.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm học	54	54		
12.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	0	0		
12.5	Số chi trong năm học	54	54		
	Trong đó: Chi khen thưởng cho học sinh	29,775	29,775		
	Chi khen thưởng cho GV	13,750	13,750		
	Chi hỗ trợ các hoạt động cho học sinh	10,475	10,475		
12.6	Số dư cuối năm				

Đại Thắng, ngày 29 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP

(Ký, ghi họ tên)



Nguyễn Thị Hương

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Trần Thị Hiền